

Số: **250/2017/QĐST-HNGĐ**

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 241/2017/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 giữa:

** Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tiến D - sinh năm 1968

Địa chỉ: Số nhà 209 đường Bình Thuận, Tổ 18 phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Chị Lê Thị V - sinh năm 1973

Địa chỉ: Số nhà 209 đường Bình Thuận, Tổ 18 phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Nông nghiệp PTNT Việt nam – Chi nhánh tỉnh tuyên Quang – Phòng giao dịch số 2;

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Giao L – Chức vụ: Giám đốc

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Canh T. Chức vụ: Cán bộ tín dụng Phòng giao dịch số 2;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến D và chị Lê Thị V.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh Nguyễn Tiến D và chị Lê Thị V có 02 con chung là Nguyễn Mã M - sinh ngày 23/10/1990 và Nguyễn Thị Mai H – sinh ngày 19/12/1996. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành có nghề nghiệp ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Tiến D và chị Lê Thị V đều xác nhận vợ chồng có tài sản nhà xây 02 tầng + diện tích đất sử dụng 133,9m² tại tổ 18, phường H, thành phố T đã được UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 805732, ngày 19/4/2014. Thửa đất số 390 tờ bản đồ số 23 mang tên hai vợ chồng. Nay ly hôn vợ chồng tôi tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh Nguyễn Tiến D chị Lê Thị V và đại diện Ngân hàng xác nhận: Ngày 28/10/2016 anh Nguyễn Tiến D và chị Lê Thị V có xác lập hợp đồng tín dụng số 8100-LAV- 201601861 với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang – Phòng giao dịch số 2 để vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Mục đích sử dụng tiền vay là chi phí sản xuất kinh doanh, phục vụ nhu cầu đời sống của hộ gia đình. Thời hạn vay 36 tháng. Hạn mức tín dụng là 200.000.000đ Người đứng vay là anh Nguyễn Tiến D và chị Lê Thị V, tài sản thế chấp nhà xây 02 tầng + diện tích đất sử dụng 133,9m² tại tổ 18, phường H, thành phố T (Kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 805732, do ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 19/4/2014. Thửa đất số 390 tờ bản đồ số 23. Đến ngày 28/11/2017 ông D bà V còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi là 720.000đồng (Bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là: 70.720.000đồng (Bảy mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Anh D và chị V phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi là 720.000đồng (Bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là: 70.720.000đ (Bảy mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) theo hợp đồng tín dụng số 8100-LAV- 201601861 với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang – Phòng giao dịch số 2. Cụ thể: Ông D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 35.360.000đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ vay Ngân hàng thì mới phân chia tài sản; bà V có trách nhiệm trả số tiền: 35.360.000đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ vay Ngân hàng thì mới phân chia tài sản.

Về án phí: Anh Nguyễn Tiến D nhận nộp toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N^o 0004927 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên

Quang. Hoàn trả cho anh D số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*)

Chị Lê Thị V không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường H (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYẾN QUANG

Thẩm phán

(Đã ký)

Phạm Ngọc Hà